

Bản án số: 110/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22/5/2023

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Minh Khánh.

2. Ông Nguyễn Hồng Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân Anh- Kiểm sát viên Tr cấp.

Ngày 22/5/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05/5/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1993. (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Nhất, xã Cảnh Thụy, huyện Y D, tỉnh B.

*** Bị đơn:** Anh Bùi Văn Tr, sinh năm: 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Nhất, xã Cảnh Thụy, huyện Y D, tỉnh B.

Hiện đang lao động tại nước ngoài.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Lưu Thị P; sinh năm: 1961. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Nhất, xã Cảnh Thụy, huyện Y D, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 16/3/2023, các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Văn Tr kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Cảnh Thụy, huyện Y D, tỉnh B ngày 29/8/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2017 thì anh Tr đi nước ngoài lao động từ đó đến nay chưa về nước. Thời gian đầu anh Tr đi nước ngoài thì vợ chồng vẫn liên lạc với nhau, đến năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Tr không tu chí làm ăn lại chơi bời nợ nần nhiều chị và gia đình đã khuyên bảo anh Tr nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Từ giữa năm 2022 đến nay thì vợ chồng đã cắt đứt mọi quan hệ, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn Tr.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Bùi Diễm My, sinh ngày 04/10/2015 và cháu Bùi Tuyết Anh, sinh ngày 09/8/2018. Ly hôn chị đề nghị giao cháu Bùi Tuyết Anh, sinh ngày 09/8/2018 cho chị nuôi dưỡng và giao cháu Bùi Diễm My, sinh ngày 04/10/2015 cho anh Tr nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết

Ngoài ra chị T còn trình bày: Hiện nay, anh Tr vẫn ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của anh Tr ở nước ngoài chị không cung cấp được cho Tòa án được vì chị có hỏi anh Tr nhưng anh Tr không cung cấp địa chỉ cho chị được biết, anh Tr vẫn liên lạc về cho bố mẹ đẻ anh Tr là bà Lưu Thị P, sinh năm 1961 trú tại: Thôn Nhất, xã Cảnh Thụy, huyện Y D, tỉnh B. Đề nghị Tòa án xác minh địa chỉ của anh Tr thông qua bố mẹ đẻ của anh Tr.

Do tính chất công việc nên chị không thể về tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Tr được. Vì vậy, chị đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Bùi Văn Tr.

Bị đơn anh Bùi Văn Tr không có bản tự khai.

Ngày 20/3/2023 và ngày 27/3/2023 Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của anh Bùi Văn Tr là bà Lưu Thị P, sinh năm 1961 trú tại: Thôn

Nhất, xã Cảnh Thụy, huyện Y D, tỉnh B để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bà P thông báo cho anh Tr biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Văn Tr; yêu cầu anh Tr viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu bà P cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Tr ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua 2 lần làm việc bà P vẫn giữ nguyên quan điểm là anh Tr ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình thông qua mạng xã hội nhưng bà không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Tr ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của anh Tr, bà đồng ý thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh Tr biết để anh Tr gửi quan điểm, lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của anh Tr gửi về.

Tại đơn trình bày bà Lưu Thị P trình bày: Bà là bà nội của cháu Bùi Diễm My, sinh ngày 04/10/2015 và cháu Bùi Tuyết Anh, sinh ngày 09/8/2018 hiện nay hai cháu đang ở với bà và chị T, từ bé đến nay 2 cháu vẫn ở với bà, kể khi anh Tr đi nước ngoài tới nay hai cháu vẫn ở với bà, các cháu được đi học và phát triển bình thường, con trai bà là anh Bùi Văn Tr vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình và thường xuyên gửi tiền về cho bà và gia đình để nuôi dưỡng chăm sóc hai cháu. Trường hợp anh Tr và chị T phải ly hôn thì bà đồng ý nhận chăm sóc cháu Bùi Diễm My trong thời gian anh Tr ở nước ngoài.

Tại biên bản lấy lời khai cháu Bùi diễm My trình bày: Cháu là con của bố Bùi Văn Tr và mẹ Nguyễn Thị T, hiện nay cháu đang ở cùng với mẹ Nguyễn Thị T và bà nội. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu là được ở với bố cháu là Bùi Văn Tr và bà nội.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Bùi Văn Tr vắng mặt không có lý do.

Thay mặt Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị T; Biên bản làm việc với mẹ đẻ của anh Tr là bà Lưu Thị P; Biên bản lấy lời khai của cháu Bùi Diễm My và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Bùi Văn Tr không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh Tr; Căn

cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt anh Tr là đúng.

-Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83; điều 104 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Bùi Văn Tr.

Về con chung: Giao con chung là cháu Bùi Tuyết Anh, sinh ngày 09/8/2018 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Giao cháu Bùi Diễm My, sinh ngày 04/10/2015 cho anh Bùi Văn Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Nhưng tạm giao cháu Bùi Diễm My, sinh ngày 04/10/2015 cho bà Lưu Thị P nuôi dưỡng, chăm sóc trong thời gian anh Tr ở nước ngoài. Các đương sự không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi T luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T.

Đối với bị đơn anh Bùi Văn Tr vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của anh Tr là bà Lưu Thị P để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu bà P thông báo cho anh Tr biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Văn Tr; Yêu cầu anh Tr viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu bà P cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Tr ở nước ngoài. Bà Lưu Thị P trình bày: Anh Tr vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà bà P vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh Tr cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh Tr biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối

cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Bùi Văn Tr theo thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn có đơn xin ly anh Bùi Văn Tr, anh Tr hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 317/QLXNC-P5 v/v cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 05/01/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì anh Tr đã xuất nhập cảnh ngày 25/12/2017 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của anh Tr ở Việt Nam là: Thôn Nhất, xã Cảnh Thụy, huyện Y D, tỉnh B. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý, xác định anh Tr là bị đơn đang ở nước ngoài, Tòa án nhân dân huyện Y D có quyết định số 02/2023/QĐ-CVA ngày 28/02/2023 Quyết định chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết theo thẩm quyền là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Văn Tr có đăng ký kết hôn ngày 29/8/2014 tại UBND xã Cảnh Thụy, huyện Y D, tỉnh B, được Ủy ban nhân dân xã Cảnh Thụy cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2017 thì anh Tr đi nước ngoài lao động từ đó đến nay chưa về nước. Thời gian đầu anh Tr đi nước ngoài thì vợ chồng vẫn liên lạc với nhau, đến năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Tr không tu chí làm ăn lại chơi bời nợ nần nhiều chị và gia đình đã khuyên bảo anh Tr nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Từ giữa năm 2022 đến nay thì vợ chồng đã chất dứt mọi quan hệ, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn Tr.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị T và anh Tr chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, và đến năm 2017 thì anh Tr đi xuất khẩu lao động từ đó đến nay chưa về nước, bên cạnh đó anh Tr còn chơi bời nợ nần đã được gia đình khuyên bảo

nhưng không đạt kết quả, từ đó vợ chồng đã chấm dứt mọi quan hệ không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm giữa chị T và anh Tr đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Bùi Văn Tr.

[4]. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Văn Tr có 02 con chung là cháu cháu Bùi Diễm My, sinh ngày 04/10/2015 và cháu Bùi Tuyết Anh, sinh ngày 09/8/2018. Hiện nay hai cháu đang sống cùng với chị và bà nội là bà Lưu Thị P. Ly hôn chị T đề nghị được giao cháu Bùi Diễm My, sinh ngày 04/10/2015 cho anh Tr nuôi dưỡng và giao cháu Bùi Tuyết Anh, sinh ngày 09/8/2018 cho chị nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về yêu cầu nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy từ khi anh Tr đi nước ngoài lao động đến nay thì hai cháu Bùi Diễm My và cháu Bùi Tuyết Anh vẫn ở cùng với chị T và bà nội (mẹ anh Tr). Các cháu được bà nội và chị T chăm sóc phát triển bình thường, anh Tr vẫn thường xuyên gửi tiền về cho mẹ anh để chăm sóc các cháu, thường xuyên liên lạc về hỏi thăm và động viên các cháu. Cháu Bùi Diễm My cũng có nguyện vọng được ở với bố và bà nội. Còn cháu Bùi Tuyết Anh từ nhỏ vẫn do chị T nuôi dưỡng, cháu phát triển bình thường. Do vậy chị T đề nghị giao cháu Bùi Diễm My, sinh ngày 04/10/2015 cho anh Bùi Văn Tr nuôi dưỡng và giao cháu Bùi Tuyết Anh, sinh ngày 09/8/2018 cho chị nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với điều kiện thực tế. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Giao con chung là cháu Bùi Diễm My, sinh ngày 04/10/2015 cho anh Bùi Văn Tr là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, và giao cháu Bùi Tuyết Anh, sinh ngày 09/8/2018 cho chị Nguyễn Thị Thoa là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung. Tuy nhiên, hiện nay anh Tr đang đi lao động tại nước ngoài nên cần tạm giao cháu Bùi Diễm My cho bà Lưu Thị P chăm sóc cháu Bùi Diễm My trong thời gian anh Tr ở nước ngoài.

Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Văn Tr có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T, anh Tr thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, điều 104 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 1, 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Bùi Văn Tr.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Diễm My, sinh ngày 04/10/2015 cho anh Bùi Văn Tr là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giao cháu Bùi Tuyết Anh, sinh ngày 09/8/2018 cho chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cho bà Lưu Thị P trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Bùi Diễm My trong thời gian anh Bùi Văn Tr ở nước ngoài.

Chị Nguyễn Thị T, anh Bùi Văn Tr có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T, anh Tr thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0009756 ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y D, tỉnh B. Xác nhận chị T đã nộp đủ.

4.Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Bùi Văn Tr hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND xã Cảnh Thụy, huyện Y D, tỉnh B.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà

